|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THPT …….  **TỔ:** SỬ - ĐỊA – GDCD | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 11**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** ......4..........**; Số học sinh:** ..........160.........**; Số lớp học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: 2**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**.........02........; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ....0.... Đại học:.....02.....; Trên đại học:......0.......

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:.....02.......; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính, máy chiếu | 01 | Bài 3. Thực hành: Tìm hiểu về cơ hội và thách thức toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế |  |
| 2 | Máy tính, máy chiếu | 01 | Bài 5. Thực hành: Viết báo cáo về đặc điểm và biểu hiện của nền kinh tế tri thức |  |
| 3 | Bản đồ địa lí tự nhiên khu vực Mỹ Latinh | 01 | Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế – xã hội ở Cộng hoà Liên bang Bra-xin | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |
| 4 | Bản đồ Liên minh châu Âu | 01 | Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |
| 5 | Bản đồ địa lí tự nhiên khu vực Đông Nam Á | 01 | Bài 14. Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |
| 6 | Bản đồ địa lí tự nhiên khu vực Tây Nam Á | 01 | Bài 17. Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |
| 8 | Bản đồ địa lí tự nhiên Liên bang Nga | 01 | Bài 22. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |
| 9 | Bản đồ địa lí tự nhiên, kinh tế Nhật Bản | 01 | Bài 25. Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |
| 10 | Bản đồ địa lí tự nhiên, kinh tế Trung Quốc | 01 | Bài 28. Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |
| 11 | Bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế của Ô-xtrây-li-a | 01 | Bài 28. Thực hành: tìm hiểu về kinh tế Ô-xtrây-li-a | Có thể thay thế bằng học liệu số sử dụng Máy vi tính, máy chiếu |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập : Không**

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **BÀI HỌC** | **SỐ TIẾT** | **PPCT** | **TUẦN** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TÉ - XÃ HỘI THẾ GIỚI (8 tiết)** | | | | | |
| **1** | Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước | **2** | **1-2** | 1 | **1. Kiến thức:**  - Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân; cơ cấu kinh tế và chỉ số HDI.  - Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.  - Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về KT-XH của các nhóm nước.  - Thu thập được tư liệu về KT-XH của một số nước từ các nguồn khác nhau.  **2. Năng lực:**  **- Năng lực chung:**  **+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.  + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.  **- Năng lực đặc thù :**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ để xác định được một số nước phát triển và đang phát triển.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sư dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đổ, tranh ảnh…), khai thác internet trong học tập.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập.  *-* Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập.  - Yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước để trở thành một công dân tốt, có tinh thần phát triển đất nước trong tương lai. |
| **2** | Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế | **2** | **3-4** | 1-2 | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế, phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.  - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế; phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.  **2. Năng lực:**  **- Năng lực chung:**  **+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.  + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.  **- Năng lực đặc thù :**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ để xác định được một số nước đang phát triển trong quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sư dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đổ, tranh ảnh…), khai thác internet trong học tập.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập.  *-* Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập.  - Yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước để trở thành một công dân tốt, có tinh thần phát triển đất nước trong tương lai. |
| **3** | Thực hành: Tìm hiểu cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. | **1** | **5** | 2 | **1. Kiến thức:**  - Sưu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá.  - Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.  **2. Năng lực:**  **- Năng lực chung:**  **+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.  + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ để xác định được một số nước đang phát triển với những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sư dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đổ, tranh ảnh…), khai thác internet trong học tập.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy để viết và hoàn thiện báo cáo.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập.  *-* Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập.  - Yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước để trở thành một công dân tốt, có tinh thần phát triển đất nước trong tương lai. |
| **4** | Một số tổ chức quốc tế và khu vực, an ninh toàn cầu. | **2** | **6-7** | 2-3 | 1. kiến thức  – Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).  – Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.   1. **Năng lực**   **- Năng lực chung:**  **+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.  + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ để xác định được một số nước đang phát triển với những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sư dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đổ, tranh ảnh…), khai thác internet trong học tập.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy để viết và hoàn thiện báo cáo.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các nội dung kiến thức liên quan bài học.  - Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng. |
| **5** | Thực hành: Viết báo cáo về đặc điểm và biểu hiện nền kinh tế tri thức. | **1** | **8** | 3 | **1. kiến thức**  – Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.  **2.Năng lực**  **\* Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học:  + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.  + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.  Thông qua trao đổi, thảo luận, hợp tác để phân biệt một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, ứng dụng của GPS, bản đồ số trong học tập và đời sống.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlat, bản đồ…  \* Năng lực đặc thù  *- Nhận thức khoa học Địa Lí*  - Thu thập tài liệu về nền kinh tế tri thức  - Trao đổi, thảo luận và viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.  *- Năng lực tìm hiểu Địa Lí:* xử lí thông tin qua bảng biểu, đọc bản đồ - tranh ảnh, tổng hơp tư duy theo lãnh thổ, liên hệ thực tế.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên. Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực: trong học tập và cuộc sống.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. |
| **ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA** | | | | | |
| **Khu vực Mỹ Latinh (6 tiết)** | | | | | |
| **6** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội khu vực Mỹ latinh | **3** | **9-11** | 3-4 | **1. kiến thức**  – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  – Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội.   1. ***Năng lực***   **- Năng lực chung:**  **+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.  + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.  **- Năng lực đặc thù :**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ, biểu đồ, rút ra nhận xét, phân tích số liệu, tư liệu..  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sư dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đổ, tranh ảnh…), khai thác internet trong học tập.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ, tìm câu trả lời  - Nhân ái: Yêu thiên nhiên và con người khu vực Mỹ La – Tinh.  - Trách nhiệm: Tự giác hoàn thành nhiệm vụ, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề. |
| **7** | Kinh tế khu vực Mỹ Lating | **2** | **12-13** | 4-5 | **1. kiến thức**  - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.  - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh.  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  - Tự chủ tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập  - Giao tiếp hợp tác: Sử dụng được ngôn ngữ phù hợp để thảo luận và học tập địa lý.  **\* Năng lực đặc thù**  - Năng lực nhận thức khoa học địa lý  + Trình bày giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung khu vực Mỹ La-tinh, tình hình phát triển các ngành kinh tế  - Năng lực tìm hiểu địa lý:  + Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  + Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.  + Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ La-tinh.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:  + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh. Sự phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ khu vực Mỹ La-tinh.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ, tìm câu trả lời  - Nhân ái: Yêu thiên nhiên và con người khu vực Mỹ La-tinh.  - Trách nhiệm: Tự giác hoàn thành nhiệm vụ, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề. |
| **8** | Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Cộng hoà Liên bang Brasil. | **1** | **14** | 5 | **1. kiến thức**  - Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.  **2.Năng lực**  - Năng lực chung**:**  **+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.  + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.  - Năng lực đặc thù:  + Nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, thực tiễn.  + Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: tranh ảnh, vi deo, đoạn văn bản...để tìm hiểu, giải thích các hiện tượng tự nhiên.  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế; biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức,số liệu; liên hệ thực tế để biết sâu sắc hơn kiến thức địa lí.  **3. Phẩm chất:**  + Trung thực: Ý thức tự giác, trung thực trong học tập; có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả học tập tốt.  + Chăm chỉ: chăm chỉ, chuyên cần trong học tập; tự đánh giá điểm mạnh, yếu hay thuận lợi, khó khăn trong học tập để tự vươn lên.  + Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập; trong mọi công việc được giao. |
| **Liên Minh Châu Âu (EU) (5 tiết)** | | | | | |
| **9** | Liên minh Châu Âu – Một liên kết kinh tế khu vực lớn | **4** | **15-18** | **5-6** | **1. kiến thức**  - Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.  - Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.  - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn.  **- Năng lực địa lí:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí:  \* Trình bày được lí do hình thành, quy mô, vị trí, mục đích, thể chế hoạt động của EU.  \* Phân tích được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới: trung tâm kinh tế và tổ chức thương mại hàng đầu của thế giới.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được bảng số liệu, đọc bản đồ.  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **10** | Thực hành: Viết báo cáo về sự phát triển công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức | **1** | **19** | 7 | **1. kiến thức**  - Viết được báo cáo về những nét khái quát về sự phát triển công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.  **2.Năng lực**  ***- Năng lực chung:***  **+** Năng lực giải quyết vấn đề, tự học: Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.  + Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.  + Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Biết khai thác tài liệu từ các trang wed.  ***- Năng lực đặc thù:***  + Viết được báo cáo về sự phát triển Công nghiệp của CHLB Đức thông qua các kênh thông tin  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích mối liên hệ giữa các đối tượng.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet trong học tập.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống: Liên hệ thực tế ở Việt Nam.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập khi được phân công làm việc nhóm  - Nhận thức được vai trò của bản thân trong việc xây dựng nguồn nhân lực cho đất nước |
| **Ôn tập** | | **1** | **20** | 7 | **1. Về kiến thức**: ôn tập lại kiến thức từ bài 1 đến bài 10  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập. |
| **Kiểm tra giữa kỳ I** | | **1** | **21** | 7 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 10  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. |
| **Khu vực Đông Nam Á (6 tiết)** | | | | | |
| **11** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội khu vực ĐNÁ | **2** | **22-23** | 8 | **1. Kiến thức**  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.  +Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.  + Năng lực giải quyết vấn đề và sang tạo: biết sử dụng công cụ,phương tiện công nghệ thông tin phục vụ bài học, phân tích xử lí tình huống.  **- Năng lực địa lí:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí:  - Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.  - So sánh đặc điểm tự nhiên giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.  + Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí của các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản của khu vực.  - Đọc và phân tích được bảng số liệu thống kê,đưa ra các nhận định về xu hướng phát triển dân số của khu vực Đông Nam Á.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế – xã hội khu vực và Việt Nam  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu bản đồ, lược đồ, tranh ảnh  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.  - Yêu nước: Hiểu thêm, yêu thêm thiên nhiên, xã hội Việt Nam  - Nhân ái: Có ý thức học hỏi các nền văn hóa khác, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia |
| **12** | Kinh tế khu vực ĐNÁ | **2** | **24-25** | 8-9 | **1. Kiến thức**  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung và sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế  **- Năng lực địa lí:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được một số đặc điểm kinh tế của khu vực Đông Nam Á  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để giải thích các vấn đề kinh tế của nước ta  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **13** | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) | **1** | **26** | 9 | **1. Kiến thức**  - So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.  - Lấy được một số ví dụ về sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ các nguồn khác về địa lí khu vực ASEAN.  **2.Năng lực**  **- Năng lực địa lí:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được các mục tiêu chính và cơ chế hợp tác của ASEAN. Đánh giá được các thành tựu cũng như thách thức đối với ASEAN.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để trình bày những thuận lợi, khó khăn khi nước ta ra nhập ASEAN  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển kinh tế của ASEAN.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **14** | Thực hành: Tìm hiểu kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á | **1** | **27** | 9 | **1. Kiến thức**  - Vẽ và nhận xét được biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư và xã hội  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: So sánh được mức chi tiêu, số khách, doanh thu du lịch của từng khu vực. So sánh được tình hình xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực Đông Nam Á.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Đề xuất những sáng kiến để có thể nâng cao doanh thu từ khách du lịch.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.  - Yêu nước: yêu quê hương đất nước |
| Chuyên đề học tập: Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á | | **10** | **28-37** | 10-13 | **1. Kiến thức**  - Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Công.  - Trình bày được lí do ra đời, mục tiêu của Uỷ hội sông Mê Công.  - Giới thiệu được một số hoạt động của Uỷ hội sông Mê Công.  - Xác định được vai trò của Việt Nam trong Uỷ hội sông Mê Công.  - Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.  **2. Năng lực**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  \* Năng lực chuyên biệt:  - Nhận thức khoa học địa lí:  + Phân tích được mục tiêu, hoạt động của Uỷ hội sông Mê Công, xác định được vai trò của Việt Nam trong Uỷ hội sông Mê Công. Đánh giá được tầm quan trọng trong việc hợp tác và khai thác tài nguyên thiên nhiên, giao thông, bảo vệ chủ quyền tại Biển Đông.  - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: từ kiến thức đã tìm hiểu được, học sinh có kĩ năng chung sống hoà bình, làm chủ được bản thân trước những thông tin sai sự thật, có nhận thức đúng đắn về việc chung sống, hợp tác hoà bình trong khu vực.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.  - Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc tuyên truyền thông tin chính thống đúng sự thật trước nhiều thông tin sai sự thật trên mạng xã hội về việc chung sống hoà bình trng khu vực. |
| **Khu vực Tây Nam Á ( 6 tiết)** | | | | | |
| **15** | Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội khu vực TNÁ | **2** | **38-39** | 13 | **1. Kiến thức**  - Nêu được ảnh hưởng của vị trí địa lí, của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  **2.Năng lực**  **\* Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học:  Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.  Chủ động tiếp nhận nhiệm vụ học tập, tích cực đưa ra ý kiến trong các hoạt động học.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: học sinh trao đổi và thảo luận, thống nhất với bạn thông qua hình thức cặp đôi và nhóm.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết tình huống trong hoạt động vận dụng, sáng tạo trong việc lựa chọn hình thức thể hiện sản phẩm học tập của nhóm  **\* Năng lực đặc thù:**  - Nhận thức khoa học địa lí: phân tích được ảnh hưởng của tự nhiên, dân cư đến phát triển kinh tế- xã hội khu vực.  - Năng lực tìm hiểu địa lý:  + Sử dụng tư liệu, bảng số liệu, bản đồ để phân tích, chọn lọc và tổng hợp kiến thức.  + Sử dụng bản đồ hình 15.1, 15.4 SGK nêu đặc điểm tự nhiên, dân cư của Tây Nam Á.  - Năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã họcvào thực tiễn:HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để tìm kiếm thông tin về tự nhiên, dân cư xã hội của Tây Nam Á  **3. Phẩm chất:**  - Nhân ái: Tôn trọng đất nước, con người ở các quốc gia trên thế giới  - Chăm chỉ: Tích cực để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập và cuộc sống.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. |
| **16** | Kinh tế khu vực TNÁ | **2** | **40-41** | 14 | **1. Kiến thức**  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.  - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  **2.Năng lực**  **\* Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học:  Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.  Chủ động tiếp nhận nhiệm vụ học tập, tích cực đưa ra ý kiến trong các hoạt động học.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: học sinh trao đổi và thảo luận, thống nhất với bạn thông qua hình thức cặp đôi và nhóm.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết tình huống trong hoạt động vận dụng, sáng tạo trong việc lựa chọn hình thức thể hiện sản phẩm học tập của nhóm  **\* Năng lực đặc thù:**  - Nhận thức khoa học địa lí:  + Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.  +Trình Trình bày đặc điểm nổi bật một số ngành kinh tế khu vực tây nam Á  - Năng lực tìm hiểu địa lý:  + Sử dụng tư liệu, bảng số liệu, bản đồ để phân tích, chọn lọc và tổng hợp kiến thức.  +Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ  + Sử dụng bản đồ hình 16.1 và hình 16.2 SGK xác định đặc điểm phân bố nông nghiệp, công nghiệp của Tây Nam Á.  - Năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã họcvào thực tiễn:HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để tìm kiếm thông tin về hoạt động kinh tế của Tây Nam Á.  **3. Phẩm chất**  - Nhân ái: Tôn trọng đất nước, con người ở các quốc gia trên thế giới  - Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập và cuộc sống.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. |
| **17** | Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ của khu vực TNA | **2** | **42-43** | 14-15 | **1. Kiến thức**  - Viết được báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á.  - Phân tích được số liệu, tư liệu.  **2. Năng lực**  - Năng lực chung**:**  **+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.  + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.  - Năng lực đặc thù:  + Nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, thực tiễn.  + Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: tranh ảnh, vi deo, đoạn văn bản...để tìm hiểu, giải thích các hiện tượng tự nhiên.  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế; biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức,số liệu; liên hệ thực tế để biết sâu sắc hơn kiến thức địa lí.  **3. Phẩm chất**  + Trung thực: Ý thức tự giác, trung thực trong học tập; có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả học tập tốt.  + Chăm chỉ: chăm chỉ, chuyên cần trong học tập; tự đánh giá điểm mạnh, yếu hay thuận lợi, khó khăn trong học tập để tự vươn lên.  + Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập; trong mọi công việc được giao. |
| **Ôn tập** | | **1** | **44** | 15 | **1. Về kiến thức**: ôn tập lại kiến thức từ bài 1 đến bài 17  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập. |
| **Kiểm tra học kỳ I** | | **1** | **45** | 15 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 17  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. |
| **Hợp chúng quốc Hoa Kì (6 tiết)** | | | | | |
| **18** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Hoa Kỳ. | **3** | **46-48** | 16 | **1. Kiến thức**  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  - Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích.  - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kì.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến khí hậu.  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ xác định vị trí, lãnh thổ, sự phân bố dân cư  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được bản đồ tự nhiên, biểu đồ, bảng số liệu dân số.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: sưu tầm các thành tựu trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và khoa học kĩ thuật của Hoa Kỳ.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **19** | Kinh tế Hoa Kỳ | **3** | **49-51** | 17 | **1. Kiến thức**  - Nêu được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới; trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kì.  - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến khí hậu.  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ xác định vị trí, lãnh thổ, sự phân bố dân cư  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu kinh tế.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: + Thấy được sự đa dạng và phát triển vượt bậc của kinh tế Hoa Kỳ để có những học hỏi cho nền kinh tế nước nhà.+ Có ý thức học tập góp phần xây dựng đất nước. + Đánh giá cao những thành tựu kinh tế của Hoa Kỳ  + Có nhận thức đúng đắn về việc lựa chọn các ngành kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và bản thân thông qua quá trình nhận biết sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp của Hoa Kỳ theo ngành và theo lãnh thổ.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **Liên Bang Nga (6 tiết)** | | | | | |
| **20** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên Bang Nga. | **3** | **52-54** | 18 | **1. Kiến thức**  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi; vẽ được biểu đồ.  - Sưu tầm, hệ thống hoá được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến khí hậu.  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ xác định vị trí, lãnh thổ, sự phân bố dân cư.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được bản đồ tự nhiên, tháp dân số Liên Bang Nga  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: sưu tầm các thành tựu trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và khoa học kĩ thuật của Liên Bang Nga  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **21** | Kinh tế Liên Bang Nga | **2** | **55-56** | 19 | **1. Kiến thức**  **-** Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu; vẽ được biểu đồ.  - Sưu tầm, hệ thống hoá được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau.  **2.Năng lực**  **\* Năng lực chung**  - Năng lực tự chủ và tự học: Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  +Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  +Biết xác định và phát hiện làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, tranh ảnh, bản đồ , giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành kinh tế của Liên Bang Nga.  **\* Năng lực đặc thù:**  - Nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ, lược đồ, tranh ảnh nêu sự phân bố và phát triển các ngành kinh tế.  - Tìm hiểu địa lí: Phân tích được bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ, tranh ảnh về các hoạt động kinh tế và các vùng kinh tế của Liên Bang Nga  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về thành tựu của Liên Bang Nga trong nền kinh tế thế giới, sự phát triển những ngành công nông nghiệp và dịch vụ của Liên Bang Nga, về sự phân bố của một số vùng kinh tế của Liên Bang Nga.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Sau khi học xong, học sinh liên hệ được những thành tựu kinh tế của cả Việt Nam và Liên Bang Nga đã đạt được từ đó học sinh thêm yêu đất nước, tự hào về nỗ lực của con người Việt Nam trên con đường xây dựng đất nước ta.  - Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Biết trân trọng các khu vực tự nhiên khác nhau.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực: trong học tập và cuộc sống.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ tự nhiên, bảo vệ môi trường sống. |
| **22** | Thực hành: Tìm hiểu về CN khai thác dầu khí của Liên Bang Nga | **1** | **57** | 19 | **1. Kiến thức**  - Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…  **\* Năng lực đặc thù**  - Nhận thức khoa học địa lí:  + Sử dụng kiến thức đã học để chọn biểu đồ thích hợp để vẽ, phân tích được mối liên quan giữa các đối tượng để nhận xét.  - Tìm hiểu địa lí:  + Tìm kiếm các thông tin từ bảng số liệu và yêu cầu của đề bài để vẽ được biểu đồ thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ và sản lượng khai thác khí tự nhiên của Liên Bang Nga.  + Rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga.  **3. Phẩm chất**  + Trung thực: Ý thức tự giác, trung thực trong học tập; có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả học tập tốt.  + Chăm chỉ: chăm chỉ, chuyên cần trong học tập; tự đánh giá điểm mạnh, yếu hay thuận lợi, khó khăn trong học tập để tự vươn lên.  + Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập; trong mọi công việc được giao. |
| **Nhật Bản ( 6 tiết)** | | | | | |
| **23** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản. | **3** | **58-60** | 20 | - Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản. |
| **24** | Kinh tế Nhật Bản. | **2** | **61-62** | 21 | - Nêu được tình hình phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật.  - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.  - Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại.  - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. |
| **25** | Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản | **1** | **63** | 21 | **1. Kiến thức**  - Viết được báo cáo truyền đạt những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại.  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động thảo luận.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn.  **\* Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: sử dụng thông tin, tài liệu xác định vấn đề báo cáo.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được bảng số liệu.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: vận dụng các kiến thức để viết báo cáo và trình bày.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu tài liệu  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm. |
| **Cộng hoà nhân dân Trung hoa (Trung Quốc) (6 tiết)** | | | | | |
| **26** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của Trung Quốc | **3** | **64-66** | 22 | 1. Kiến thức- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Trung Quốc.  - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan.  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ xác định vị trí, lãnh thổ, sự phân bố dân cư.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được bản đồ tự nhiên, bảng số liệu, biểu đồ số dân.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: sưu tầm các thành tựu trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và khoa học kĩ thuật của Trung Quốc.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **27** | Kinh tế Trung Quốc | **2** | **67-68** | 23 | **1. Kiến thức**  - Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Trung Quốc.  - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  - Năng lực tự chủ và tự học: Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  +Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  +Biết xác định và phát hiện làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, tranh ảnh, bản đồ, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành kinh tế của Trung Quốc.  **\* Năng lực đặc thù:**  - Nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ, lược đồ, tranh ảnh nêu sự phân bố và phát triển các ngành kinh tế.  - Tìm hiểu địa lí: Phân tích được bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ, tranh ảnh về các hoạt động kinh tế và các vùng kinh tế của Liên Bang Nga  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về thành tựu của Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Sau khi học xong, học sinh liên hệ được những thành tựu kinh tế của cả Việt Nam đã đạt được từ đó học sinh thêm yêu đất nước, tự hào về nỗ lực của con người Việt Nam trên con đường xây dựng đất nước ta.  - Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Biết trân trọng các khu vực tự nhiên khác nhau.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực: trong học tập và cuộc sống.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ tự nhiên, bảo vệ môi trường sống. |
| **28** | Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi của kinh tế vùng duyên hải Trung Quốc. | **1** | **69** | 23 | **1. Kiến thức**  - Viết được báo cáo về những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải.  **2. Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động thảo luận.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn.  **\* Năng lực đặc thù:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: sử dụng thông tin, tài liệu xác định vấn đề báo cáo.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được bảng số liệu.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: vận dụng các kiến thức để viết báo cáo và trình bày.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu tài liệu.  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm. |
| **Ôn tập** | | **1** | **70** | 24 | **1. Về kiến thức**: ôn tập lại kiến thức từ bài 1 đến bài 28  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập. |
| **Kiểm tra giữa học kỳ II** | | **1** | **71** | 24 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 28  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. |
| **Chuyên đề học tập 3:** Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (4.0) | | **10** | **72-81** | 24-27 | **1. Về kiến thức:**  - Tìm hiểu những nội dung chủ yếu của các cuộc CMCN đặc biệt cuộc CMCN lần thứ 4.  - Phân tích tác động của cách mạng CM 4.0 đếm phát triển kinh tế xã hội thế giới.  - Xác định một số xu hướng chính của cuộc CMCN 4.0  **1. Về năng lực:**  **- Năng lực địa lí:**  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được quan niệm về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; so sánh được đặc điểm và nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với các cuộc cách mạng công nghiệp trước; Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội thế giới.  + Năng lực tìm hiểu địa lí:Phân tích được các tác động chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thế giới.  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng được hiểu biết về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập.  **- Năng lực chung:** Tự chủ và tự học, Giao tiếp và hợp tác, Giải quyết vấn đề và sáng tạo.  **2. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **Australia (Ô-xtrây-li-a) (2 tiết)** | | | | | |
| **29** | Thực hành : tìm hiểu về kinh tế của Oxtraylia | **2** | **82-83** | 28 | **1. Kiến thức**   * Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ. * Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Australia. * Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.   Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Australia.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: Thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.  + Giao tiếp và hợp tác: Thông qua thông qua các hoạt động nhóm.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế Austraylia  **- Năng lực đặc thù:**  + Năng lực tìm hiểu địa lí: Xác định sự phân bố kinh tế Austraylia trên bản đồ  + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Autraylia.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .  - Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng. |
| **Cộng hoà Nam Phi (5 tiết)** | | | | | |
| **30** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội CH Nam Phi | **3** | **84-86** | 28-29 | **1. Kiến thức**  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế.  - Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hoà Nam Phi.  **2.Năng lực**  **\* Năng lực chung**  - Tự chủ tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập.  - Giao tiếp hợp tác: Sử dụng được ngôn ngữ phù hợp để thảo luận và học tập địa lý.  **\* Năng lực đặc thù**  - Năng lực nhận thức khoa học địa lý:  + Đọc bản đồ xác định vị trí, phân bố dân cư.  - Năng lực tìm hiểu địa lý:  + Đọc được bản đồ rút ra nhận xét về vị trí địa lí, điểu kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Cộng hòa Nam Phi.  + Phân tích các bảng số liệu thống kê liên quan đến khoáng sản, dân cư, xã hội Cộng hòa Nam Phi.  + Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về tự nhiên, dân cư Cộng hòa Nam Phi.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:  + Viết được báo cáo về ý tưởng phát triển kinh tế ở Cộng hòa Nam Phi.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ, tìm câu trả lời  - Trách nhiệm: Tự giác hoàn thành nhiệm vụ, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề. |
| **31** | Kinh tế CH Nam Phi | **2** | **87-88** | 29-30 | **1. Kiến thức**  – Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế.  – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.  - Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hoà Nam Phi.  **2.Năng lực**  **- Năng lực chung:**  *- Năng lực tự chủ và tự học:*  + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.  + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, tranh ảnh, Atlat, bản đồ,…  **- Năng lực đặc thù:**  *- Nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ, số liệu để k*hái quát được sự phát triển nền kinh tế và các điểm nổi bật của các ngành kinh tế ở Nam Phi.  *- Tìm hiểu địa lí:* Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, số liệu về kinh tế cộng hòa Nam Phi.  *- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn:* Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, tìm kiếm, khai thác, thu thập tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau về kinh tế Cộng hòa Nam Phi.  **3. Phẩm chất:**  *- Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.Tôn trọng năng lực, phẩm chất cũng như định hướng nghề nghiệp của cá nhân.  *- Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  *- Trung thực* trong học tập và cuộc sống.  *- Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. |
| **Ôn tập** | | **1** | **89** | 30 | **1. Về kiến thức**: ôn tập lại kiến thức từ bài 1 đến bài 31  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập. |
| **Kiểm tra cuối học kỳ II** | | **1** | **90** | 30 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 31  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. |
| **Chuyên đề học tập 2:** Một số vấn đề du lịch thế giới. | | **15** |  | 31-35 | **1. Về kiến thức:**  - Nêu và lấy được ví dụ về tài nguyên du lịch thế giới  - Xác định được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới  - Phân tích được xu hướng phát triển du lịch thế giới và hình thành định hướng nghề nghiệp liên quan đến du lịch.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực đặc thù:  - Nhận thức khoa học địa lí:  + Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới  + Trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay  +Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  +Liên hệ được với tài nguyên du lịch Việt Nam  + Liên hệ được với hoạt động du lịch ở Việt Nam  + Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam  + Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  **2. Phẩm chất:**  - Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Yêu thiên nhiên và môi trường tự nhiên ở quê hương, đất nước.  - Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc chống biến đổi khí hậu. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(tuần)**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 7 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 10  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 15 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 17  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 24 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 28  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 30 | **1. Về kiến thức**: kiểm tra lại kiến thức từ bài 1 đến bài 31  **2. Về năng lực:**  - Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Vận dụng kiến thức địa lí vào giải quyết nhiệm vụ học tập.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập; trung thực trong kiểm tra. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |

**III. Các nội dung khác (nếu có): không**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIAOS VIÊN THỰC HIỆN**  **……………….** | **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)